

BẢNG ĐIỂM

Lớp : Công nghệ kỹ thuật môi trường - K14

Môn thi: **Pháp luật đại cương**

Lần thi: **1**

Giám thị 1: Kiều Như Ký tên: Như

Học kỳ: **2** Năm học: **2012 - 2013**

Ngày thi: 17/5/2013

Giám thị 2: Thị Vinh Ký tên: Vinh

Cán bộ giảng dạy: _____

Phòng thi: A19

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Tổng số bài: 44

Số tờ: 44

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
1	1210080001	Cao Tuấn	Anh	05/10/1994	<u>Đe</u>	7.0	7.0	7.0	Bảy, Khôn
2	1210080002	Lê Thanh	Bảo	26/12/1993	<u>/</u>	0.5	/	0.2	Không, hai ✓
3	1210080003	Trương Anh	Bảo	24/10/1993	<u>Anh</u>	5.5	6.5	6.2	Sáu, hai
4	1210080004	Bùi Thị Diễm	Chi	26/03/1993	<u>Chi</u>	7.0	7.0	7.0	Bảy, không
5	1210080005	Nguyễn Hữu	Cường	18/08/1993	<u>Cy</u>	5.0	5.0	5.0	Năm, Khôn
6	1210080006	Lê Thị Quyên	Duyên	26/10/1993	<u>Quy</u>	7.0	4.25	5.1	Năm, một
7	1210080007	Trần Trung	Hậu	17/08/1994	<u>Tr</u>	7.0	7.0	7.0	Bảy, không
8	1210080008	Lê Văn	Hải	28/11/1994	<u>LV</u>	7.0	6.5	6.7	Sáu, bảy
9	1210080009	Nguyễn Vũ	Hải	01/01/1994	<u>NV</u>	7.0	6.5	6.7	Sáu, bảy
10	1210080010	Đỗ Trọng	Hiếu	14/03/1993	<u>ĐHT</u>	5.5	6.0	5.9	Năm, chín
11	1210080011	Nguyễn Thị	Hoa	16/07/1994	<u>NT</u>	5.5	3	3.8	ba, tám
12	1210080012	Trần Ngọc Lâm	Hoà	29/09/1994	<u>TL</u>	6.5	4.5	5.1	Năm, một
13	1210080013	Vũ Ngọc	Hoàng	10/04/1993	<u>VN</u>	7.0	6.5	6.7	Sáu, bảy
14	1210080014	Nguyễn Việt	Hùng	20/01/1994	<u>NV</u>	7.0	6.0	6.3	Sáu, ba
15	1210080015	Phạm Hoàng	Kha	17/08/1994	<u>/</u>	/	/	/	/ ✓
16	1210080016	Nguyễn Phước	Khởi	10/08/1994	<u>/</u>	/	/	/	/ ✓
17	1210080017	Hà Thị Thúy	Kiều	19/11/1994	<u>/</u>	0.5	/	0.2	Không, hai ✓
18	1210080018	Dương Thị Thanh	Lan	06/07/1993	<u>DTT</u>	8.0	7.5	7.7	Bảy, bảy
19	1210080019	Nguyễn Trần Ngọc	Lan	19/08/1994	<u>NTN</u>	7.0	7.5	7.4	Bảy, bốn
20	1210080020	Huỳnh Văn Thành	Lộc	15/01/1994	<u>HVT</u>	3	6.0	5.1	Năm, một
21	1210080021	Nguyễn Đại	Lộc	30/05/1993	<u>ND</u>	7.5	6.0	6.5	Sáu, năm
22	1210080022	Trần Thành	Lộc	04/08/1994	<u>TT</u>	7.0	5.0	5.6	Năm, Sáu
23	1210080023	Nguyễn Phúc	Lợi	01/09/1994	<u>NTP</u>	8.0	6.5	7.0	Bảy, không
24	1210080024	Nguyễn Hoàng	Long	08/10/1994	<u>NH</u>	7.0	5.0	5.6	Năm, Sáu
25	1210080025	Trương Thị	Luôn	1994	<u>TT</u>	7.0	8.0	7.7	Bảy, bảy

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
26	1210080026	Mai Tiểu	My	01/01/1994	<i>my</i>	2.5	6.5	7.4	Ba, bốn
27	1210080027	Nguyễn Tân	Na	04/01/1994	<i>na</i>	5.0	4.5	4.7	Bốn, ba
28	1210080028	Phạm Thị Thúy	Nga	13/05/1994	<i>Nga</i>	7.0	5.0	5.6	Năm, sáu
29	1210080029	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	29/10/1994	<i>Ng</i>	8.0	6.5	7.0	Ba, không
30	1210080030	Nguyễn Bảo	Nguyên	20/07/1994	<i>lu</i>	7.5	6.0	6.5	Sáu, năm
31	1210080031	Trần Hoàng	Nguyên	16/06/1992					
32	1210080032	Huỳnh Thanh	Nhi	16/05/1993	<i>htn</i>	7.0	5.5	6.0	Sáu, không
33	1210080033	Thị Thị Mỹ	Như	18/07/1994	<i>my</i>	8.0	7.0	7.3	Ba, ba
34	1210080034	Huỳnh Phi	Nhật	26/02/1994	<i>Phi</i>	8.0	5.5	6.3	Sáu, ba
35	1210080035	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	13/01/1994	<i>nh</i>	8.0	7.5	7.7	Ba, ba
36	1210080036	Nguyễn Văn	Phát	18/10/1994	<i>pv</i>	5.5	6.5	6.2	Sáu, hai
37	1210080037	Nguyễn Đức	Quang	04/06/1994	<i>Qu</i>	5.0	5.5	5.4	Năm, bốn
38	1210080038	Vũ Nhị	Quyển	11/10/1993	<i>Qu</i>	7.5	2.5	4.0	Bốn, không
39	1210080039	Đinh Duy	Tân	12/07/1994	<i>Tân</i>	8.0	5.0	5.9	Năm, chín
40	1210080040	Nguyễn Bảo	Thanh	16/09/1994	<i>CB</i>	8.5	5.0	6.1	Sáu, một
41	1210080041	Đỗ Trung	Tiến	17/10/1994	<i>Tu</i>	7.0	7.5	7.4	Ba, bốn
42	1210080042	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	04/06/1994	<i>Tr</i>	7.0	7.5	7.4	Ba, bốn
43	1210080043	Trần Đỗ Bảo	Trâm	08/10/1994	<i>Tr</i>	7.0	6.0	6.3	Sáu, ba
44	1210080044	Phan Thị Ngọc	Trân	23/10/1994	<i>Tr</i>	7.5	7.5	7.5	Ba, năm
45	1210080045	Ngô Thị Thùy	Trang	12/03/1994	<i>Th</i>	5.5	6.0	5.9	Năm, chín
46	1210080046	Trần Hữu	Triết	02/05/1994		0.5		0.2	Không, hai
47	1210080047	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	12/02/1994	<i>Tr</i>	7.0	6.0	6.3	Sáu, ba
48	1210080048	Lê Trung	Trực	27/09/1994	<i>Tr</i>	6.0	5.0	5.3	Năm, ba
49	1210080049	Nguyễn Huỳnh Minh	Tuấn	06/04/1994	<i>Tu</i>	5.0	5.5	5.4	Năm, bốn
50	1210080050	Triệu Văn	Tuyến	24/06/1992	<i>Tr</i>	7.0	5.0	5.6	Năm, sáu
51	1210080051	Nguyễn Bá	Vân	26/10/1993					

Ngày . 5 . tháng . 06 . năm 2013